



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thông tin Công ty

**Giấy phép Hoạt động
Chứng khoán số**

68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007
276/UBCK-GP (Điều chỉnh vốn) ngày 6 tháng 11 năm 2009

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán do Ủy Ban Chứng khoán Nhà
Nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Bảo Toàn	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

67 Hàm Nghi
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

18 Ngô Quyền
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

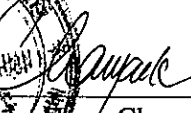
Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-203




Phạm Hùng Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Độc Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
TÀI SẢN				
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.240.588.047	800.204.693
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền		150.354.568	112.413.105
	Tiền	111	19.354.568	88.413.105
	Các khoản tương đương tiền	112	131.000.000	24.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		712.601.980	487.013.509
	Đầu tư ngắn hạn	121	742.476.738	503.129.074
	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(29.874.758)	(16.115.565)
III.	Các khoản phải thu – ngắn hạn		2.373.922.060	199.966.280
	Phải thu khách hàng	131	2.134.299.582	188.478.780
	Trả trước cho người bán	132	858.749	421.494
	Các khoản phải thu khác	138	238.763.729	11.066.006
V.	Tài sản ngắn hạn khác		3.709.439	811.799
	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3.620.511	722.871
	Tài sản ngắn hạn khác	158	88.928	88.928
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		153.257.882	159.539.592
II.	Tài sản cố định		12.799.718	21.192.012
	Tài sản cố định hữu hình	221	6.261.356	10.624.011
	<i>Nguyên giá</i>	222	21.505.438	19.713.817
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(15.244.082)	(9.089.806)
	Tài sản cố định vô hình	227	6.538.362	10.568.001
	<i>Nguyên giá</i>	228	14.251.647	14.118.367
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229	(7.713.285)	(3.550.366)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		134.441.100	132.836.700
	Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	21.054.400	19.450.000
	<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254	21.054.400	19.450.000
	Đầu tư dài hạn khác	258	113.386.700	113.386.700
V.	Tài sản dài hạn khác		6.017.064	5.510.880
	Chi phí trả trước dài hạn	261	-	688.217
	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	1.213.106	293.923
	Tài sản dài hạn khác	268	4.803.958	4.528.740
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			3.393.845.929	959.744.285

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã	Thuyết	31/12/2010	31/12/2009
	số	minh	VNĐ'000	VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
A	NỢ PHẢI TRẢ	300	2.933.695.540	535.422.250
I.	Nợ ngắn hạn	310	2.933.151.565	385.422.250
	Vay ngắn hạn	311 13	282.061.800	100.000.000
	Phải trả người bán	312 14	1.709.337.385	139.656.686
	Người mua trả tiền trước	313 15	363.896.000	38.500.000
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 16	7.181.026	12.494.556
	Phải trả nhân viên	315	5.591.167	3.572.908
	Chi phí phải trả	316 17	6.853.113	8.724.268
	Phải trả hoạt động giao dịch chứng			
	khoán	320 18	109.157.331	73.630.335
	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	1.171.818	5.633.453
	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322	-	1.871.751
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	328 19	447.901.925	1.338.293
II.	Nợ dài hạn	330	543.975	150.000.000
	Vay dài hạn	334 20	-	150.000.000
	Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	543.975	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	460.150.389	424.322.035
I.	Vốn chủ sở hữu	410	455.538.409	424.299.786
	Vốn cổ phần	411 21	378.000.000	378.000.000
	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	417 22	7.452.129	3.740.375
	Quỹ dự phòng tài chính	418 22	7.452.129	3.740.375
	Lợi nhuận chưa phân phối	420	62.634.151	38.819.036
II.	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	430	4.611.980	22.249
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			3.393.845.929	959.744.285

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
6. Chứng khoán lưu ký	006		
Trong đó :			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	36.008.372.716	2.935.174.441
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	35.956.827.051	2.935.174.441
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	51.545.664	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	2.814.815.228	14.977.554.828
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	2.814.815.228	14.977.554.828
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	276.241.595	96.057.090
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	276.241.595	96.057.090
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	100.645.607	96.021.557
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	116.820	1.634.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	100.303.787	93.165.057
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	225.000	1.222.500
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	325.054.951	787.130
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	325.054.951	787.130
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	15.063.197	633.353.096
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	15.063.197	633.353.096

Người lập:



Bà Chu Hải Yến
Kế toán trưởng



Ông Tô Hải
Tổng Giám đốc

28 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

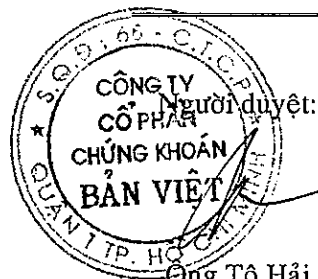
	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Doanh thu	01		383.772.731	201.965.494
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		37.848.399	25.920.953
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2		269.075.888	92.549.249
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		24.688.757	28.942.904
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		2.442.752	394.756
Doanh thu khác	01.9	24	49.716.935	54.157.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		383.772.731	201.965.494
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	25	(253.029.033)	(113.157.235)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		130.743.698	88.808.259
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(34.600.383)	(19.495.646)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96.143.315	69.312.613
Thu nhập khác	31		997.750	-
Chi phí khác	32		(354.552)	-
Lợi nhuận trước thuế	50		96.786.513	69.312.613
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	(22.551.433)	(11.336.725)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		74.235.080	57.975.888

Người lập:



Bà Chu Hải Yến
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Tô Hải
Tổng Giám đốc

28 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

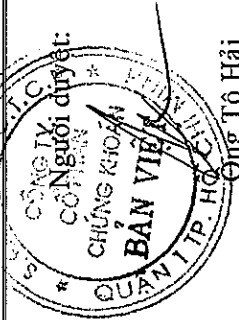
	Vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng nguồn vốn chủ sở hữu VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	360.000.000	743.825	743.825	1.988.855	363.476.505	8.749	363.485.254
Vốn góp	18.000.000	-	-	-	18.000.000	-	18.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	57.975.888	57.975.888	-	57.975.888
Chuyển sang các quỹ	-	2.996.550	2.996.550	(9.805.707)	(3.812.607)	3.812.607	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(3.799.107)	(3.799.107)
Cổ tức	-	-	-	(11.340.000)	(11.340.000)	-	(11.340.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	378.000.000	3.740.375	3.740.375	38.819.036	424.299.786	22.249	424.322.035
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	74.235.080	74.235.080	-	74.235.080
Chuyển sang các quỹ	-	3.711.754	3.711.754	(12.619.965)	(5.196.457)	5.196.457	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(606.726)	(606.726)
Cổ tức (Thuyết minh số 23)	-	-	-	(37.800.000)	(37.800.000)	-	(37.800.000)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 378.000.000 7.452.129 7.452.129 62.634.151 455.538.409 4.611.980 460.150.389

Người lập:



Bà Chu Hải Yến
Kế toán trưởng



Ông Tô Hải
Tổng Giám đốc

28 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	96.786.513	69.312.613
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	11.005.412	8.368.484
Các khoản dự phòng	03	13.759.193	11.413.950
Thu nhập tiền lãi	05	(46.123.130)	(52.810.963)
Thu nhập cổ tức	05	(17.520.335)	(4.748.170)
Chi phí lãi vay	06	60.456.797	47.792.891
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		118.364.450	79.328.805
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(2.432.198.125)	(254.335.542)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	2.374.250.049	187.013.784
Tiền lãi vay đã trả	13	(62.636.328)	(43.153.891)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(28.932.111)	(3.519.720)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(606.726)	(3.799.107)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20	(31.758.791)	(38.465.671)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(3.119.302)	(15.371.002)
(Tiền chi)/thu hồi cho vay ngắn hạn	24	(12.502.959)	250.000.000
Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(1.604.400)	(66.159.000)
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	46.123.130	55.543.963
Tiền thu từ cổ tức	27	16.020.335	5.574.963
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30	44.916.804	229.480.924

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	18.000.000
Tiền thu từ vay ngắn hạn	32	654.971.220	331.294.944
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	(622.909.420)	(456.294.944)
Cổ tức đã trả	36	(37.278.350)	(10.880.769)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40	(5.216.550)	(117.880.769)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.941.463	73.134.484
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	92.413.105	19.278.621
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 3)	70	100.354.568	92.413.105

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Phân loại từ đầu tư chứng khoán dài hạn sang chứng khoán thương mại	-	76.739.779

Người lập:



Bà Chu Hải Yến
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ông Tô Hải
Tổng Giám đốc

28 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán theo Giấy phép Hoạt động Chứng khoán số 68/UBCK ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và được điều chỉnh vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 (sau đây được gọi chung là “Giấy phép Hoạt động Chứng khoán”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 110 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 94 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn gần nhất (“VNĐ’000”), được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Xem thuyết minh 2(w) cho các chính sách kế toán mới sẽ được áp dụng.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng/nhà đầu tư và những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt đối với các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

(e) Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Công ty phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và các chứng khoán được mua rồi bán lại theo hợp đồng (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.

Đầu tư chứng khoán dài hạn là các chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ trong một thời gian không xác định trước và có thể được bán ra vào bất kỳ lúc nào.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và dự định nắm giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự nắm giữ có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(iii) Đánh giá

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá chứng khoán bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi, nếu có.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết không được tự do mua bán trên thị trường, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền ước tính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(f) Hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư

Công ty cung cấp tiền cho các bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo các chính sách kế toán được trình bày trong Thuyết minh 2(e) và Thuyết minh 2(p) – (ii), (iv) và (v).

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Công ty nhận các nguồn vốn ủy thác từ các bên ủy thác và thay mặt các bên ủy thác cho khách hàng vay theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác. Tài sản và nợ liên quan đến các hợp đồng ủy thác được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo chính sách kế toán áp dụng cho tài sản và nợ của Công ty ngoại trừ thu nhập/chi phí phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận vào tài khoản Phải trả khác – Nguồn vốn ủy thác nhận được (Thuyết minh số 19).

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ chi phí nâng cấp văn phòng	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2-3 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập được ghi nhận là chi phí trực tiếp liên quan đến sự thành lập của Công ty. Chi phí này ban đầu được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như là khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(o) Quỹ dự trữ pháp định và quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ dự trữ này là bổ sung vào vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và nhằm bù đắp các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được trích lập theo quy định của pháp luật và không được phép phân phối.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và chủ yếu được sử dụng để chi trả cho nhân viên của Công ty. Quỹ khen thưởng và phúc lợi không bắt buộc lập theo quy định của pháp luật và được phép phân phối hết.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc thực hiện.

(iv) Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi từ tiền gửi tại ngân hàng, các khoản cho vay ngắn hạn, hợp đồng mua và bán lại chứng khoán và các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

(t) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đóng 107.687.000 VNĐ (2009: 79.729.500 VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Chính sách kế toán mới

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC (“Thông tư 162”) hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Trong số các sửa đổi, Thông tư 162 yêu cầu quỹ khen thưởng phúc lợi được ghi nhận như một phần của nợ phải trả thay vì ghi nhận trong vốn chủ sở hữu. Thông tư 162 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Tiền mặt tại quỹ	1.197.497	489.030
Tiền gửi ngân hàng	18.157.071	87.924.075
Tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng	131.000.000	24.000.000
	<hr/>	<hr/>
	150.354.568	112.413.105
Trừ tiền gửi có kỳ hạn thế chấp tại Ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 13)	(50.000.000)	(20.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	100.354.568	92.413.105

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 275 triệu VNĐ (31/12/2009: 185 triệu VNĐ).

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND'000
a) Của Công ty chứng khoán		
▪ Cổ phiếu	42.734.384	3.682.562.591
b) Của khách hàng		
▪ Cổ phiếu	648.351.085	19.854.528.457
▪ Trái phiếu	16.700.000	1.759.031.100
	<hr/>	<hr/>
	707.785.469	25.296.122.148

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

5. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán VNĐ'000	So sánh với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VNĐ'000
		Tăng VNĐ'000	Giảm VNĐ'000	
Các khoản đầu tư ngắn hạn	742.476.738	11.282.653	(29.874.758)	723.884.633
Chứng khoán thương mại (a)	409.859.287	11.282.653	(18.702.729)	402.439.211
Cho vay ngắn hạn (b)	63.372.019	-	-	63.372.019
Hợp đồng mua bán lại chứng khoán	5.700.000	-	-	5.700.000
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động giao dịch chứng khoán (c)	263.545.432	-	(11.172.029)	252.373.403
Các khoản đầu tư dài hạn	134.441.100	-	-	134.441.100
Chứng khoán sẵn sàng để bán (d)	21.054.400	-	-	21.054.400
Đầu tư dài hạn khác (e)	113.386.700	-	-	113.386.700
	876.917.838	11.282.653	(29.874.758)	858.325.733

- (a) Bao gồm trong chứng khoán thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có khoản chứng khoán trị giá 121.299 triệu VNĐ do các bên thứ ba nắm giữ hộ Công ty theo các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư (31/12/2009: 43.239 triệu VNĐ). Xem Thuyết minh 2(f) và Thuyết minh số 28.

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Số dư đầu năm	4.943.536	4.701.615
Tăng dự phòng trong năm	13.759.193	241.921
Số dư cuối năm	18.702.729	4.943.536

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(b) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Cho vay ngắn hạn		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Masan	62.572.019	50.000.000
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng	800.000	800.000
	<hr/>	<hr/>
	63.372.019	50.800.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản cho vay này không được bảo đảm, không hưởng lãi và có kỳ hạn gốc là 12 tháng.

(c) Khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động giao dịch chứng khoán không được bảo đảm và hưởng mức lãi suất từ 0,05% đến 0,06% một ngày và có thời hạn hoàn trả từ 1 ngày đến 60 ngày.

Trong năm, không có biến động dự phòng tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động giao dịch chứng khoán.

(d) Chi tiết chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Công ty Cổ phần Nam Khang	9.450.000	9.450.000
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	10.000.000	10.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	1.604.400	-
	<hr/>	<hr/>
	21.054.400	19.450.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(e) Chi tiết đầu tư dài hạn khác như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 2009 VNĐ'000	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính
Đầu tư vốn chủ sở hữu vào:			
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng	20.427.700	10%	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng, dịch vụ quản lý dự án và dịch vụ quản lý bất động sản
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng-Sản xuất-Thương mại Tài Nguyên	75.000.000	7,5%	Kinh doanh bất động sản
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia	3.600.000	9,47%	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng, dịch vụ quản lý dự án và dịch vụ quản lý bất động sản
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam (i)	10.000.000	2%	Kinh doanh dầu và các sản phẩm liên quan đến dầu; kinh doanh vật liệu xây dựng; và cung cấp dịch vụ kho bãi và quảng cáo
▪ Công ty Cổ phần Vận Thương Long	4.359.000	15%	Phát triển và kinh doanh hạ tầng, khu công nghiệp và cảng biển
	113.386.700		

(i) Công ty thế chấp cổ phiếu cho đơn vị được đầu tư này để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty từ chính đơn vị được đầu tư này (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

6. Phải thu khách hàng

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Phải thu từ Trần Vĩ Dân từ việc bán chứng khoán	1.864.274.805	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Bản Việt	93.000.000	-
Phải thu từ Công ty TNHH Thiên Hữu	54.100.000	-
Phải thu từ Thái Ngọc Dung	12.882.604	53.394.950
Phải thu từ Đào Thị Thanh Hương	-	128.673.936
Phải thu từ Nguyễn Thị Lành	50.362.664	-
Phải thu từ Hoàng Ngọc Triều Dương	52.363.660	-
Phải thu khác	7.315.849	6.409.894
	2.134.299.582	188.478.780

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Phải thu từ hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư (Thuyết minh số 28)	51.258.649	9.267.658
Phải thu từ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng	730.940	730.940
Tạm ứng cho các Thành viên Hội đồng Quản trị (a)	12.491.274	-
Phải thu từ nhân viên Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam (b)	113.067.180	-
Phải thu từ khách hàng vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (b)	39.750.000	-
Phải thu từ khách hàng vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (b)	16.800.000	-
Phải thu cổ tức từ Công ty cổ phần Tài Nguyên	1.500.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.544.190	879.910
Phải thu khác	1.621.496	187.498
	238.763.729	11.066.006

- (a) Các khoản tạm ứng cho các Thành viên Hội đồng Quản trị cho mục đích hoạt động kinh doanh của Công ty không có bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.
- (b) Các số dư liên quan đến nguồn vốn ủy thác nhận được và cho vay khách hàng theo chỉ định của Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, các đơn vị cung cấp nguồn vốn ủy thác. Xem Thuyết minh số 19 đối với các nguồn vốn ủy thác nhận được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.806.145	2.313.480	10.594.192	19.713.817
Tăng trong năm	33.000	1.758.621	-	1.791.621
Số dư cuối năm	6.839.145	4.072.101	10.594.192	21.505.438
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.727.265	820.222	4.542.319	9.089.806
Khấu hao trong năm	2.144.548	379.673	3.630.055	6.154.276
Số dư cuối năm	5.871.813	1.199.895	8.172.374	15.244.082
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.078.880	1.493.258	6.051.873	10.624.011
Số dư cuối năm	967.332	2.872.206	2.421.818	6.261.356

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có số tài sản là 6.491 triệu VNĐ được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	14.118.367
Tăng trong năm	133.280
	<hr/>
Số dư cuối năm	14.251.647
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.550.366
Phân bổ trong năm	4.162.919
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.713.285
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	10.568.001
Số dư cuối năm	6.538.362
	<hr/>

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có số tài sản là 1.982 triệu VNĐ được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 324 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thành lập VNĐ'000
Số dư đầu năm	688.217
Phân bổ trong năm	(688.217)
	<hr/>
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

11. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh Toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005, do Bộ Tài chính ban hành, yêu cầu Công ty phải ký quỹ khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán môi giới của kỳ trước.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2010	2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	293.923	120.643
Tiền nộp bổ sung trong năm	919.183	173.280
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.213.106	293.923
	<hr/>	<hr/>

12. Tài sản dài hạn khác

Số dư này chủ yếu phản ánh các khoản tiền ký quỹ thuê văn phòng.

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Vay ngắn hạn gồm:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (i)	39.596.800	20.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	-	50.000.000
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	130.000.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đệ Nhất (iii)	49.500.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (iv)	10.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam (v)	7.000.000	-
▪ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (vi)	45.965.000	-
Trái phiếu phát hành cho Công ty Tài chính Xi măng	-	30.000.000
	<hr/>	<hr/>
	282.061.800	100.000.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

STT	Mô tả	Loại tiền	Tài sản thế chấp	Kỳ hạn	Lãi suất (năm)
1	Khoản vay (i)	VNĐ	Không bảo đảm	6 tháng	15% - 18,5%
2	Khoản vay (ii)	VNĐ	Không bảo đảm	6 tháng	14,5% - 19%
3	Khoản vay (iii)	VNĐ	Tiền gửi kỳ hạn 50 tỷ VNĐ (Thuyết minh số 3)	3 tháng	12,6% - 13%
4	Khoản vay (iv)	VNĐ	Không bảo đảm	6 tháng	16% - 16,2%
5	Khoản vay (v)	VNĐ	Cổ phiếu (Thuyết minh số 5(e))	5 tháng	14,5% - 17%
6	Khoản vay (vi)	VNĐ	Không bảo đảm	6 tháng	17%

14. Phải trả người bán

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Phải trả cho người bán chứng khoán	1.703.044.885	128.538.936
Phải trả cho nhà cung cấp phần mềm vi tính	-	4.465.250
Phải trả liên quan hợp đồng hợp tác đầu tư	6.292.500	6.652.500
	1.709.337.385	139.656.686

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tạm ứng từ khách hàng để mua chứng khoán	363.896.000	38.500.000

Các khoản tạm ứng từ khách để mua chứng khoán chịu lãi suất năm từ 15% đến 20% trong khoản thời gian Công ty chưa mua được chứng khoán cho các khách hàng theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	31/12/2009
	VND'000	VND'000
Thuế giá trị gia tăng	349.315	318.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.792.625	11.173.303
Thuế thu nhập cá nhân	2.039.086	384.457
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	617.827
	<hr/>	<hr/>
	7.181.026	12.494.556
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Chi phí phải trả

	31/12/2010	31/12/2009
	VND'000	VND'000
Chi phí lãi vay	5.084.469	7.264.000
Chi phí phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	750.000	616.895
Chi phí phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	430.000	178.808
Chi phí khác	588.644	664.565
	<hr/>	<hr/>
	6.853.113	8.724.268
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	45.540.207	46.736.000
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	-	335.000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	63.617.124	26.559.335
	<hr/>	<hr/>
	109.157.331	73.630.335
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	1.027.720	506.070
Nguồn vốn ủy thác từ Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam (Thuyết minh số 7(b))	113.067.180	-
Nguồn vốn ủy thác từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (Thuyết minh số 7(b))	16.800.000	-
Nguồn vốn ủy thác từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (Thuyết minh số 7(b))	39.750.000	-
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (i)	94.854.052	-
Tạm ứng từ Công ty Tài chính Xi măng (i)	179.864.156	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.538.817	832.223
	<hr/>	<hr/>
	447.901.925	1.338.293
	<hr/>	<hr/>

(i) Các khoản tạm ứng này không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

20. Vay dài hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Trái phiếu phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	-	150.000.000
	<hr/>	<hr/>

Các trái phiếu này được mua lại hết trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ'000	Số cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	37.800.000	378.000.000	37.800.000	378.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	37.800.000	378.000.000	37.800.000	378.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	37.800.000	378.000.000	37.800.000	378.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải thực hiện việc trích lập sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này cũng như quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được pháp luật qui định và không được phép phân phối.

23. Cổ tức

Vào ngày 4 tháng 5 năm 2010 và ngày 15 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chia khoản cổ tức 37.800 triệu VNĐ (1.000 VNĐ/cổ phiếu) cho các cổ đông của công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

24. Doanh thu khác

	2010	2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	5.332.243	2.328.365
Thu nhập lãi từ các khoản khách hàng chậm thanh toán	2.614.454	7.896.509
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay ngắn hạn	6.958.333	34.675.000
Thu nhập lãi từ các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư	655.732	607.901
Thu nhập lãi từ tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động giao dịch chứng khoán	30.094.351	5.297.450
Thu nhập lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	468.017	2.005.738
Doanh thu khác	3.593.805	1.346.669
	<hr/>	<hr/>
	49.716.935	54.157.632
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2010	2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí nhân viên	17.124.710	8.931.061
Khấu hao và phân bổ	7.343.507	5.516.202
Chi phí thuê văn phòng	1.041.249	3.125.126
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	128.492.320	18.801.473
Chi phí lãi vay	60.456.797	47.792.891
Phí môi giới và lưu ký chứng khoán	10.304.220	4.731.344
Chi phí đi lại	112.581	413.520
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	13.759.194	11.413.950
Hoa hồng môi giới	709.522	10.727.594
Chi phí khác	13.684.933	1.704.074
	<hr/>	<hr/>
	253.029.033	113.157.235
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí nhân viên	8.563.758	5.623.454
Thiết bị văn phòng	573.269	467.314
Khấu hao và phân bổ	2.973.688	2.026.417
Chi phí thuê văn phòng	4.329.455	1.901.582
Chi phí đi lại	483.750	608.037
Thuế và phí khác	136.047	13.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.637.903	6.690.039
Chi phí khác	3.902.513	2.165.319
	<hr/>	<hr/>
	34.600.383	19.495.646
	<hr/>	<hr/>

27. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	22.551.433	11.336.725
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế	96.786.513	69.312.613
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	24.196.628	17.328.153
Ưu đãi thuế	-	(4.858.595)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.266.633	54.210
Thu nhập không bị tính thuế	(2.911.828)	(1.187.043)
	<hr/>	<hr/>
	22.551.433	11.336.725
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 25%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

28. Hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư

	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Chứng khoán thương mại	5	121.299.302	43.239.311
Phải thu khác	7	51.258.649	9.267.658
		<u>172.557.951</u>	<u>52.506.969</u>

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu và các số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt				
Cổ tức đã trả	360.000	-	-	-
Hợp đồng hợp tác đầu tư	-	6.652.500	6.292.500	6.652.500
Phí môi giới	-	327.962	-	391.458
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt				
Cổ tức nhận được	180.000	1.200.000	-	-
Thành viên Hội đồng Quản trị				
Chi phí lãi vay	-	1.123.473	-	-

30. Biến động các khoản phải thu

Khoản mục	Số dư đầu năm VNĐ'000	Tăng VNĐ'000	Giảm VNĐ'000	Số dư cuối năm VNĐ'000
1. Phải thu khách hàng	188.478.780	6.218.412.815	(4.272.592.013)	2.134.299.582
2. Trả trước cho người bán	421.494	586.255	(149.000)	858.749
4. Các khoản phải thu khác	11.066.006	4.456.155.310	(4.228.457.587)	238.763.729
Tổng	<u>199.966.280</u>	<u>10.675.154.380</u>	<u>(8.501.198.600)</u>	<u>2.373.922.060</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

31. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000
Trong vòng một năm	4.171.972	2.762.810
Trong vòng hai đến năm năm	2.727.877	1.074.969
	6.899.849	3.837.779

32. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	31/12/2009 (Phân loại lại) VND'000	31/12/2009 (đã được trình bày trước đây) VND'000
Chi phí phải trả		
Chi phí phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	616.895	-
Chi phí phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	178.808	-
Chi phí khác	664.565	1.460.268

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009	2009
	(Phân loại lại)	(đã được trình bày trước đây)
	VNĐ'000	VNĐ'000
Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	92.549.249	87.801.079
Doanh thu khác	54.157.632	58.905.802

Người lập:



Bà Chu Hải Yến
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Tô Hải
Tổng Giám đốc

28 MAR 2011



11/11/2011